

Nhon Trach, ngày 25 tháng 5 năm 2026.

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các hộ dân có đất bị thu hồi thuộc dự án nâng cấp và mở rộng đường Tôn Đức Thắng (25B cũ) đoạn từ Trung tâm xã Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51.

Hôm nay, vào lúc: 14 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 5 năm 2026

Tại: UBND phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Ông: Đào Minh Tâm | Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Nhơn Trạch. |
| 2. Ông: Nguyễn Huy Sang | Chức vụ: Phó CT.UBMTTQ phường Nhơn Trạch. |
| 3. Ông: Nguyễn Thị Yến Nhi | Chức vụ: CV Phòng kinh tế phường Nhơn Trạch. |
| 4. Ông: Lưu Văn Toàn | Chức vụ: CV TTPTQĐ - CN Nhơn Trạch. |
| 5. Ông: Nguyễn Tấn Được | Khu phố Phước Kiểng, phường Nhơn Trạch. |
| 6. Ông: Tăng Văn Thanh | Khu phố Mỹ Hội, phường Nhơn Trạch. |

Nội dung:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Thực hiện theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với các cơ quan quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai.

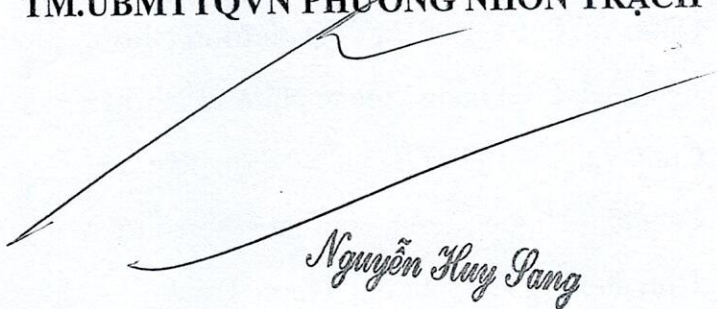
Căn cứ Văn bản số 1379/HĐTĐGD ngày 11/3/2026 của Hội đồng thẩm định giá xã Nhơn Trạch về việc thẩm định giá đất cụ thể để bồi thường dự án nâng cấp và mở rộng đường Tôn Đức Thắng (25B cũ) đoạn từ Trung tâm xã Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51.

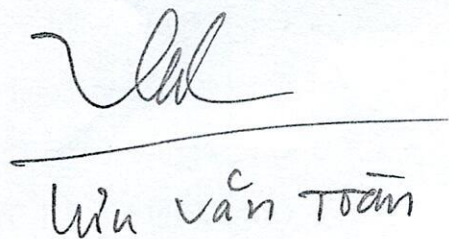
Để đảm bảo tính pháp lý và minh bạch trong công tác thu hồi đất của dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Nhơn Trạch phối hợp cùng các ngành và UBND phường Nhơn Trạch tiến hành niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư của các hộ dân thuộc dự án nâng cấp và mở rộng đường Tôn Đức Thắng (25B cũ) đoạn từ Trung tâm phường Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51 trên bảng thông tin của UBND phường Nhơn Trạch và bản thông tin sinh hoạt chung tại trụ sở khu phố, có sự chứng kiến của ban ngành đoàn thể UBND phường Nhơn Trạch và khu phố nơi có đất thu hồi, đồng thời UBND phường Nhơn Trạch đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp phường trong thời gian 10 ngày theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị quyết 254/2025 ngày 11/12/2025 của Quốc hội (đính kèm phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các biểu mẫu).

Biên bản kết thúc vào lúc 1.15 giờ .15 phút, cùng ngày đã thông qua cho các thành viên nêu trên và thống nhất ký tên, biên bản được lập thành .05. bản.

TM.UBMTTQVN PHƯỜNG NHƠN TRẠCH

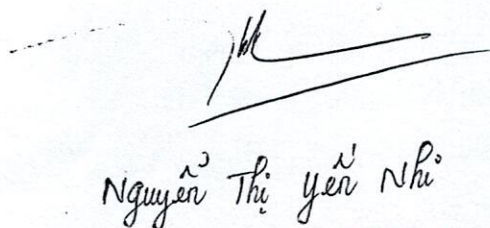
**TT PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH**

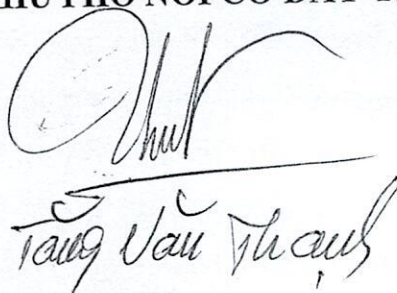

Nguyễn Huy Sang


Vũ Văn Tâm

P. KINH TẾ PHƯỜNG NHƠN TRẠCH

KHU PHỐ NƠI CÓ ĐẤT THU HỒI


Nguyễn Thị Yến Nhi


Trương Văn Thành

UBND PHƯỜNG NHƠN TRẠCH



Đào Minh Tâm

Số: /PA-TTPTQĐ

Nhơn Trạch, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

V/v Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng Nâng cấp
đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51,
xã Long Thành và xã Nhơn Trạch.
(Phương án dùng để Niêm yết)

I/ CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp bất thường lần thứ năm thông qua ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất Đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc Quyết định chủ trương Đầu tư một số dự án Nhóm B, Nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, xã Long Thành và xã Nhơn Trạch;

Căn cứ Công Văn số 3690/UBND-KTN ngày 12/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công Văn số 3887/UBND-KTNS ngày 16/03/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính tiền bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch;

II/ TỔNG QUAN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Tổng quan dự án:

- Tổng diện tích toàn tuyến: 85,5 ha
- Đã hoàn thành công tác bồi thường: 311.255,2m² (trong đó có 231.208,3m² đất công) Còn lại 80.046,9m² đất của hộ dân tiếp tục thực hiện công tác bồi thường.
- Chiều dài đoạn tuyến đang thực hiện khoảng: 10 km
- Tổng số: 230 hồ sơ (trong đó 205 trường hợp có đất thu hồi và 25 trường hợp có tài sản trên đất người khác).

2. Tổng diện tích thu hồi Đợt 6: 2.631 m²

Trong đó:

- Đất ở : 322,3 m².
- Đất giao thông: 110,9 m²
- Đất trồng cây lâu năm : 1.006,6 m².
- Đất trồng cây hàng năm : 486,8 m²
- Đất trồng lúa : 704,4 m²

3. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

- Tổng số: 15 trường hợp.

Trong đó:

- 12 trường hợp có đất thu hồi: (02 đất UBND xã quản lý).

- 03 trường hợp tài sản trên đất người khác.

III/ CƠ SỞ TÍNH TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1/ Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Căn cứ Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2/ Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng:

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 Ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3/ Bồi thường thiệt hại về cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4/ Bồi thường các chính sách hỗ trợ và thưởng di dời:

Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

IV. PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ:

1/ Cơ sở xét tái định cư:

- Căn cứ Điều 111 Luật đất đai năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND của tỉnh Đồng Nai.
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã/phường Nhơn Trạch và nhận định dự kiến của Tổ quản lý và phát triển quỹ đất.

2/ Kết quả xét cấp tái định cư:

- Tổng số xét tái định cư : 12 trường hợp, kết quả như sau:
- Các trường hợp đủ điều kiện xét cấp tái định cư: 0 trường hợp.
- Các trường hợp không đủ điều kiện xét cấp tái định cư là: 02 trường hợp.
- Các trường hợp UBND phường Nhơn Trạch đang kiểm tra, xác minh: 13 trường hợp.

(Đính kèm danh sách chi tiết từng trường hợp xét tái định cư)

3/ Phương án bố trí, giao đất tái định cư:

- Địa điểm bố trí tái định cư: Khu TĐC Phước An tại xã Phước An.
- Quy mô về quỹ đất dự kiến: 1.187 lô.
- Quy mô về hạ tầng kỹ thuật: đã thi công hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật.
- Diện tích lô đất tái định cư trung bình (dự kiến): $5m \times 20m = 100m^2$.
- Hình thức tái định cư: Giao nền đất.

4/ Nghĩa vụ tài chính đối với các hộ được bố trí tái định cư:

Tiền sử dụng đất căn cứ theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

5/ Thời điểm giao lô tái định cư:

Dự kiến bố trí tái định cư cho người có đất thu hồi sau khi Chủ tịch UBND phường Nhơn Trạch phê duyệt Phương án bố trí, giao đất tái định cư; thời gian, địa điểm tổ chức bốc thăm sẽ được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch thông báo đến từng hộ gia đình, cá nhân.

V/ GIÁ TRỊ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Giá trị bồi thường:	12.247.370.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
a. Bồi thường đất:	9.542.524.000	đồng
b. Nhà, VKT:	2.562.472.000	đồng
c. Cây trồng:	10.374.000	đồng
d. Hỗ trợ các loại:	0	đồng

e. Thuởng di dời:	132.000.000	đồng
2. Chi phí hoạt động bồi thường (1) x 3.5%:	428.658.000	đồng
<i>Trong đó:</i>		
2.1. Chi phí UBND xã (2) x 15 %:	64.299.000	đồng
2.2. Chi phí TTPTQĐ (2) x 85 %:	364.359.000	đồng
3. Tổng giá trị bồi thường (1+2):	12.676.028.000	đồng

(Mười hai tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng)

Trên đây là phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp đường 25B đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, xã Long Thành và xã Nhơn Trạch.

Nơi nhận:

- UBND xã Nhơn Trạch;
- Ban giám đốc;
- Tổ BT, Nhóm NV 1;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Nhơn Trạch

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường di dời	Tổng cộng
			Tổng số	DT đất Phi nông nghiệp			DT đất Nông nghiệp					DT đất chưa sử dụng						
				Đất ở tại nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	Đất trồng lúa								
1	208 Nguyễn Đình Kim Dung	KP 3, phường Tân Hiệp, tỉnh Đồng Nai	230,4			230,4	230,4					580.608.000	113.474.000			20.000.000	714.082.000	
2	209 Bùi Huy Phụng	Số 73 Cao Thắng, phường 03, quận 3, TP.HCM	407,6			407,6		407,6				358.770.000	58.476.000	7.483.000		16.000.000	440.729.000	
3	210 Cao Văn Lôi (đã có HS mã 201)	Ấp Phước Kiển, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	704,4			704,4				704,4		1.775.088.000					1.775.088.000	
4	211 Phạm Minh Hòa (Đã có HS mã 167 và 200)	30 Trần Văn Sắc, phường Tháo Điện, TP.HCM	522,7			522,7	522,7					1.182.870.000		2.061.000			1.184.931.000	
5	212 Chưa xác định chủ sở hữu (38/141)		155,5			155,5	155,5					351.897.000	20.260.000			16.000.000	388.157.000	
6	213 Lê Thị Hà	Ấp Phước Kiển, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	79,2			79,2		79,2				199.584.000				12.000.000	211.584.000	
7	214 Lê Thị Xâm	Khu phố Mỹ Khoa, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	98			98	98					246.960.000				16.000.000	262.960.000	
8	215 Đặng Văn Sơn	Ấp 2, xã Phước An, thành phố Đồng Nai.	115,9	115,9	115,9							1.742.904.000				20.000.000	1.762.904.000	
9	216 Nguyễn Thị Tình và Nguyễn Duy Quang (TSTD ông Đặng Văn Sơn)	Khu phố Phước Kiển, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.											421.826.000	582.000			422.408.000	
10	217 Phạm Thị Ch�c	Khu phố Phước Lai, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	166,5	166,5	166,5							2.503.827.000				20.000.000	2.523.827.000	
11	218 Hồ Nguyễn Ngọc Hằng (TSTD bà Phạm Thị Ch�c)	Tổ 20, ấp 1C, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai											1.553.726.000				1.553.726.000	
12	219 Đỗ Thị Mùng	Khu phố Phước Kiển, phường	39,9	39,9	39,9							600.016.000				12.000.000	612.016.000	

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại	Thường di dời	Tổng cộng	
				DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp					DT đất chưa sử dụng								
				Tổng số	Đất ở tại nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa		Đất trồng lúa							
			Nhom Trách, thành phố Đồng Nai.																
13	220	Lê Thị Thu Thủy (TSTĐ bà Đỗ Thị Mừng)	Khu phố Phước Kiềng, phường Nhom Trách, thành phố Đồng Nai.										394.710.000	248.000			394.958.000		
14	221	UBND phường Nhom Trách	Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhom Phú, phường Nhom Trách	31,6	31,6		31,6										0		
15	222	UBND phường Nhom Trách	Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhom Phú, phường Nhom Trách.	79,3	79,3		79,3										0		
Tổng				2.631	433,2	322,3	110,9	2.197,8	1.006,6	486,8	704,4	0	0	9.542.524.000	2.562.472.000	10.374.000	0	132.000.000	12.247.370.000
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																			
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																			
Trong đó:																			
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ TĐC của TTPTQĐ (85%)																			
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ TĐC của UBND xã (15%)																			
Tổng cộng (1+2):																			

Bảng chức: Mười hai tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm hai mươi tám ngàn đồng

BẢNG TỔNG HỢP THU HỒI ĐẤT
Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Nhơn Trạch

(kèm theo Phương án số/PA-TTPTTQĐ ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

Tình trạng pháp lý		Diện tích đất bồi thường (m²)	Diện tích đất thu hồi (m²)			Diện tích đất (m²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSD, số tờ, số thửa, diện tích m²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDB với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Đã được cấp giấy CN.QSDB số CD 636885, cấp ngày 15/08/2016. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.					
								Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất								
Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m²)	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp	DT đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa	Diện tích hồ trợ (m²)	Chưa cấp GCNQSDB (NG, TB SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)	Ghi chú
1	208 Nguyễn Đình Kim Dung	KP 3, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	248	149	913,1	230,4											

Số Mã TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)				Diện tích đất bồi thường (m ²)						Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý	Ghi chú
						Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp	DT đất Nông nghiệp				Bồi thường về đất		Hỗ trợ về đất			

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)						Diện tích hỗ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý			Ghi chú
							Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp					Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).	Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TD SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)		
											Đất ở tại nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm							Đất trồng lúa	
6	213	Lê Thị Hà	Ấp Phước	248	118	79,2	79,2		79,2					79,2	79,2			2.520.000		199.584.000	Đã được cấp giấy		
5	212	Chưa xác định chủ sử dụng (38/141)		38	141	766	155,5		155,5				155,5	155,5			2.263.000		351.897.000			Chưa xác định chủ sử dụng.	

Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)						Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tình trạng pháp lý		Chú	
						Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp			Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDP, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDB với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).			Chưa cấp GCNQSDB (NG, TP SDB, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)						
									Tổng	Đất ở tại giao thông	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa										
8	215 Đặng Văn Sơn	Ấp 2, xã Phước An, thành phố Đồng Nai.	249	111	115,9	115,9	115,9	115,9	115,9														

					Diện tích thửa (m ²)	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Diện tích đất bồi thường (m ²)						Diện tích hồ trợ (m ²)	Vị trí	Mức giá (đồng/m ²)		Tình trạng pháp lý		Ghi chú	
							Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	DT đất Phi nông nghiệp		DT đất Nông nghiệp					Bồi thường về đất	Hỗ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Đã cấp GCNQSD đất (số GCNQSDĐ, số tờ, số thửa, diện tích m ²), loại đất, ngày tháng năm cấp); nguyên nhân tăng, giảm diện tích giữa GCNQSDĐ với diện tích thực tế sử dụng (nếu có).		Chưa cấp GCNQSDĐ (NG, TB SDD, XD nhà ở, tình trạng SD, tranh chấp)
Số Mã TT số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Số tờ	Số thửa	Diện tích thửa (m ²)	Tổng	Đất phi nông nghiệp	Đất nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	Tổng	Đất ở tại nông thôn	Đất giao thông	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm	Đất trồng lúa						
		Kiêng, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.																				
11 221	UBND phường Nhơn Trạch	Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch	253	44c	31,6	31,6	31,6													UBND phường Nhơn Trạch quản lý.		

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%) BT HT	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Nguồn gốc, thời điểm tạo lập tài sản; Cơ sở bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	5,67		5.685.000	100	32.234.000	249	vi phạm hành chính.	Ảnh hưởng
			Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	36,6		163.000	100	5.966.000			áp tạn. BBKD dày 20cm, không có giá
			Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	12		163.000	60	1.174.000			Trên lộ giới
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	129,843		5.685.000	100	738.157.000			Lầu 1
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	5,67		5.685.000	100	32.234.000			Ảnh hưởng lầu 1
			Ống nước nhựa PVC pi 168	mét	20		259.800	100	5.196.000			áp tạn, không có pi 200
			Ống nước nhựa PVC pi 27	mét	25		10.100	100	253.000			
			Ống nước nhựa PVC pi 34	mét	25		14.200	100	355.000			
									1.553.726.000			
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	9		6.396.000	100	57.564.000			ONT, XD năm 1997
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	15,9		6.396.000	100	101.696.000			
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	9		6.396.000	100	57.564.000			Tầng 1
			Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	21,2		6.396.000	100	135.595.000			Tầng 1
			Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	15		1.854.000	100	27.810.000			
			Bảng hiệu kinh doanh 5.5 x 3	cái	1		0	100	0			Không có đơn giá
			Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	1,96		1.854.000	80	2.907.000			Trên lộ giới
			Đồng hồ điện chính	cái	1		1.500.000	100	1.500.000			
			Đồng hồ nước chính	cái	1		3.600.000	100	3.600.000			
			Mái che, mái hiên	m ²	14,84		259.000	80	3.075.000			Trên lộ giới
			Nền lát gạch con sâu, gạch Terrazzo	m ²	13,25		288.000	80	3.053.000			Trên lộ giới
			Di dời bồn nước: Bồn nhựa - Từ 1.000 lít - 2.000 lít	cái	1		346.000	100	346.000			
			Bảng hiệu kinh doanh 5.3 x 3	cái	1		0	100	0			Không có đơn giá
			Bảng hiệu kinh doanh 3 x 3	cái	1		0	100	0			Không có đơn giá
									394.710.000			
									2.562.472.000			

Bảng chữ: Hai tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi hai ngàn đồng

TỔNG GIÁ TRỊ

Tổng

6 220 Lê Thị Thu Thùy (TSTD bà Đỗ Thị Mừng)

BẢNG TÔNG HỢP SỐ LIỆU BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ CÂY TRỒNG
Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUỖYÊN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Nhơn Trạch

Số TT	Mã số	Họ và tên	Hạng mục tính bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấp, hạng tài sản	Đơn giá xây dựng	Tỷ lệ (%) BT HT	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Thuộc thửa đất	Ghi chú	
1	209	Bùi Huy Phụng	1. Cây trồng		26				7.483.000	Thửa đất số 157, tờ 38		
			Cây Ôi (Năm thu hoạch thứ 4-6)	Cây	1		320.093	100	320.000			
			Cây Ôi (Năm thu hoạch thứ 1-3)	Cây	1		257.086	100	257.000			
			Bàng pi 30-33	Cây	2		581.110	100	1.162.000			
			Cây mít (Năm thu hoạch thứ 4-6)	Cây	2		1.150.540	100	2.301.000			
		Tổng	Kèo lai, Kèo tai tượng, Kèo lá trầm, Kèo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân > 25 cm	Cây	20		172.153	100	3.443.000	Thửa đất số 148a, tờ 38 và thửa đất số 149a-1, tờ 38 và thửa đất số 150, tờ 38		
			1. Cây trồng		450				7.483.000			
			Kèo lai, Kèo tai tượng, Kèo lá trầm, Kèo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân <= 5 cm	Cây	34		15.384	100	523.000		Trên tờ 38 thửa 149	
			Kèo lai, Kèo tai tượng, Kèo lá trầm, Kèo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân <= 5 cm	Cây	316		15.384	0			Vượt mặt độ, Trên tờ 38 thửa 149	
			Kèo lai, Kèo tai tượng, Kèo lá trầm, Kèo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân <= 5 cm	Cây	100		15.384	100	1.538.000			
2	211	Phạm Minh Hòa (Đã có HS mã 167 và 200)	Tổng		5				2.061.000	Thửa đất số 111, tờ 249		
			1. Cây trồng		5						582.000	
			Hỗ trợ di dời chậu kiếng (có trồng cây) bằng sành, xi măng, sắt, nhựa (< 100 chậu/hộ): Chậu có đường kính từ 60cm đến < 80cm	Chậu	5		116.400	100	582.000		áp dụng, chưa ghi đường kính chậu	
			Tổng		8				248.000			
			1. Cây trồng		8							
3	216	Nguyễn Thị Tinh và Nguyễn Duy Quang (TSTĐ ông Đặng Văn Sơn)	Cây phát tài lớn (thiết mộc lan), cao từ 1.5m đến < 2m	Cây	6		30.000	100	180.000	Thửa đất số 110, tờ 249		
			Tổng		2		33.891	100	68.000			
			1. Cây trồng		2							
			Cây Dầu tằm (Năm 2)	Cây	2						áp dụng, chưa ghi năm tuổi	
			Tổng						248.000			
TỔNG GIÁ TRỊ									10.374.000			

Bảng chữ: Mười triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ nơi cư trú	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm			Hỗ trợ khi thu hồi đất công tích của xã, phường, thị trấn	Hỗ trợ đối tượng thuộc diện chính sách	Hỗ trợ dịch vụ y tế	Hỗ trợ tiền thuê nhà	Bồi thường chi phí di chuyển	Hỗ trợ khác	Thưởng do chấp hành tốt	Tổng cộng hỗ trợ
					Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi (%)	Tổng số tiền hỗ trợ	Diện tích đất được hỗ trợ (m ²)	Số tiền hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ đào tạo, học nghề								
			Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.														
14	221	UBND phường Nhơn Trạch	Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch	0													
15	222	UBND phường Nhơn Trạch	Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch.	0	63												
		Tổng cộng		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	132.000.000	132.000.000

Bảng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu đồng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH

DANH SÁCH KẾT QUẢ XÉT TÀI ĐỊNH CƯ (ĐỢT NIÊM YẾT ĐỢT 7)
Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Nhơn Trạch

(Kèm theo Phương án số/PA-TTPTGD ngày.....tháng.....năm.....của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Nhơn Trạch)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số TT	Mã số	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	CMND/điện thoại	Số tờ/số thửa	ĐỦ ĐIỀU KIỆN	KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN	SỐ QUYẾT ĐỊNH/SỐ THÔNG BÁO	GHI CHÚ
1	208	Nguyễn Đình Kim Dung	KP 3, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	CMND/CCCD: 079171037969 ngày cấp: 31/08/2021 Điện thoại: 0913615615	248/149			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
2	209	Bùi Huy Phụng	Số 73 Cao Thắng, phường 03, quận 3, TP.HCM	CMND/CCCD: 086051000031 ngày cấp:/...../..... Điện thoại:	38/157			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
3	210	Cao Văn Lôi (đã có HS mã 201)	Ấp Phước Kiển, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	CMND/CCCD: 075028000012 ngày cấp: 27/04/2021 Điện thoại:	253/43			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
4	211	Phạm Minh Hòa (Đã có HS mã 167 và 200)	30 Trần Văn Sắc, phường Tháo Diên, TP.HCM	CMND/CCCD: 095151000008 ngày cấp:/...../..... Điện thoại: 0834681565	38/148a 38/149a-1 38/150			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
5	212	Chưa xác định chủ sử dụng (38/141)		CMND/CCCD: . ngày cấp:/...../..... Điện thoại:	38/141			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
6	213	Lê Thị Hà	Ấp Phước Kiển, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	CMND/CCCD: 271793786 ngày cấp:/...../..... Điện thoại:	248/118			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
7	214	Lê Thị Xâm	Khu phố Mỹ Khoan, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	CMND/CCCD: 270267040 ngày cấp: 30/03/1979 Điện thoại:	248/117			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
8	215	Đặng Văn Sơn	Ấp 2, xã Phước An, thành phố Đồng Nai.	CMND/CCCD: 270706603 ngày cấp:/...../..... Điện thoại:	249/111			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
9	216	Nguyễn Thị Tinh và Nguyễn Duy Quang (TSTD ông Đặng Văn Sơn)	Khu phố Phước Kiển, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	CMND/CCCD: 033174015306 - 060076011557 ngày cấp: 30/06/2022 - 04/03/2022 Điện thoại: 0909544468	249/111			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
10	217	Phạm Thị Chấn	Khu phố Phước Lai, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	CMND/CCCD: 270272557 ngày cấp: 21/05/2007 Điện thoại:	249/103			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
11	218	Hồ Nguyễn Ngọc Hằng (TSTD bà Phạm Thị Chấn)	Tổ 20, ấp 1C, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai	CMND/CCCD: 075177016118 ngày cấp: 09/08/2021 Điện thoại:	249/103			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
12	219	Đỗ Thị Mừng	Khu phố Phước Kiển, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	CMND/CCCD: 270272581 ngày cấp:/...../..... Điện thoại:	249/110			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
13	220	Lê Thị Thu Thủy (TSTD bà Đỗ Thị Mừng)	Khu phố Phước Kiển, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.	CMND/CCCD: 052162003665 ngày cấp: 12/08/2021 Điện thoại: 0918767331	249/110			Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.	
14	221	UBND phường Nhơn Trạch	Số 1 Phạm Văn Thuần, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch	CMND/CCCD: . ngày cấp:	253/4c		X	Tương hợp không xét tái định cư.	
15	222	UBND phường Nhơn Trạch	Số 1 Phạm Văn Thuần, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch.	CMND/CCCD: . ngày cấp:	247/95		X	Tương hợp không xét tái định cư.	
*	TỔNG CỘNG				0	2			

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 208

Họ và tên: Nguyễn Đình Kim Dung

- Mã số định danh/số căn cước: 079171037969

- Địa chỉ thường trú: KP 3, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 248/149

- Diện tích thửa: 913,1m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 230,4 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSĐĐ số CD 636885, cấp ngày 15/08/2016. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 34.7 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2016, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						580.608.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m ²	230,4	2.520.000	100		580.608.000	
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						113.474.000	
1	Mái che, mái hiên	m ²	25,08	720.000		80	14.446.000	XD năm 2016
2	Mái che, mái hiên	m ²	20,52	720.000		80	11.820.000	Ảnh hưởng
3	Tường rào có móng đá chẻ (hoặc móng gạch), cột gạch (hoặc BTCT), giằng bằng BTCT, tường xây gạch dày 10cm có tô trát	đồng/m ²	49,5	532.000		80	21.067.000	
4	Tường rào xây gạch hoặc xây gạch có khung lưới B40 (có tô, trát)	đồng/m ²	24,12	382.000		80	7.371.000	02 tường
5	Nền lát gạch ceramic.	m ²	26,8	202.000		80	4.331.000	
6	Nền lát gạch con sêu, gạch Terrazzo	m ²	156,22	288.000		80	35.993.000	
7	Đồng hồ điện chính	cái	1	1.500.000	100		1.500.000	
8	Nền lát gạch con sêu, gạch Terrazzo	m ²	29,25	288.000		60	5.054.000	Trên lộ giới
9	Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	121,6	163.000		60	11.892.000	Trên lộ giới
CỘNG							694.082.000	
THƯỞNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							714.082.000	

Viết bằng chữ: Bảy trăm mười bốn triệu, không trăm tám mươi hai ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 209

Họ và tên: Bùi Huy Phụng

- Mã số định danh/số căn cước: 086051000031

- Địa chỉ thường trú: Số 73 Cao Thắng, phường 03, quận 3, TP.HCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 38/157

- Diện tích thửa: 2.739m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 407,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: BHK

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDD số Đ 545506, cấp ngày 29/03/2004. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 14.8 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Vật kiến trúc xây dựng trước năm 2013, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						358.770.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác; Vị trí 2; Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	m²	407,6	880.200	100		358.770.000	
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						58.476.000	
1	Nhà tạm	Đồng/m² sàn	101,52	576.000		100	58.476.000	XD trước 2013
III	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						7.483.000	
1	Cây Ôi (Năm thu hoạch thứ 4-6)	Cây	1	320.093	100		320.000	
2	Cây Ôi (Năm thu hoạch thứ 1-3)	Cây	1	257.086	100		257.000	
3	Bàng pi 30-33	Cây	2	581.110	100		1.162.000	
4	Cây mít (Năm thu hoạch thứ 4-6)	Cây	2	1.150.540	100		2.301.000	
5	Keo lai, Keo tai tượng, Keo lá tràm, Keo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân > 25 cm	Cây	20	172.153	100		3.443.000	
CỘNG							424.729.000	
THƯỞNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							440.729.000	

Viết bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chỉ trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 210

Họ và tên: Cao Văn Lòi (đã có HS mã 201)

- Mã số định danh/số căn cước: 075028000012

- Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Kiểng, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 253/43

- Diện tích thửa: 3.075,8m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 704,4 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: LUC

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDD số G 897163, cấp ngày 07/01/1997. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 23 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						1.775.088.000	
1	Đất trồng lúa; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m²	704,4	2.520.000	100		1.775.088.000	
CỘNG							1.775.088.000	
THƯỞNG DI DỜI							0	Đã thưởng 20 triệu tại hồ sơ mã 201
TỔNG CỘNG							1.775.088.000	

Viết bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm tám mươi tám ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 211

Họ và tên: Phạm Minh Hòa (Đã có HS mã 167 và 200)

- Mã số định danh/số căn cước: 095151000008

- Địa chỉ thường trú: 30 Trần Văn Sắc, phường Thào Điền, TP.HCM

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 38/148a

- Diện tích thửa: 76,4m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 76,4 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDĐ số O 904840, cấp ngày 30/09/1999. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Số tờ/thửa: 38/149a-1

- Diện tích thửa: 167,3m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 167,3 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDĐ số O 904840, cấp ngày 30/09/1999. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Số tờ/thửa: 38/150

- Diện tích thửa: 1.588m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 279 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDĐ số O 904840, cấp ngày 30/09/1999. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 28.5 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.
- Tái định cư:
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						1.182.870.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	m ²	76,4	2.263.000	100		172.893.000	
2	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	m ²	167,3	2.263.000	100		378.600.000	
3	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	m ²	279	2.263.000	100		631.377.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						2.061.000	
1	Keo lai, Keo tai tượng, Keo lá tràm, Keo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân <= 5 cm	Cây	34	15.384	100		523.000	Trên tờ 38 thửa 149
2	Keo lai, Keo tai tượng, Keo lá tràm, Keo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân <= 5 cm	Cây	316	15.384	0		0	Vượt mật độ, Trên tờ 38 thửa 149
3	Keo lai, Keo tai tượng, Keo lá tràm, Keo lười liềm, Bạch đàn camal, Bạch đàn lai, Bạch đàn uro - đường kính thân <= 5 cm	Cây	100	15.384	100		1.538.000	
CỘNG							1.184.931.000	
THƯỜNG DI DỜI							0	Đã thường 20 triệu tại hồ sơ mã 167
TỔNG CỘNG							1.184.931.000	

Viết bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi một ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chỉ trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 212

Họ và tên: Chưa xác định chủ sử dụng (38/141)

- Mã số định danh/số căn cước: .

- Địa chỉ thường trú: .

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 38/141

- Diện tích thửa: 766m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 155,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Chưa xác định chủ sử dụng.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 20.3 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Tài sản, vật kiến trúc xây dựng năm 2015, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						351.897.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ đường Trần Phú đến đường Quách Thị Trang	m ²	155,5	2.263.000	100		351.897.000	
II	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						20.260.000	
1	Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	155,367	163.000		80	20.260.000	
CỘNG							372.157.000	
THƯỞNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							388.157.000	

Viết bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu, một trăm năm mươi bảy ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 213

Họ và tên: Lê Thị Hà

- Mã số định danh/số căn cước: 271793786

- Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Kiểng, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 248/118

- Diện tích thửa: 79,2m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 79,2 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: BHK

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDD số T 270043, cấp ngày 13/05/2002. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 79.2 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						199.584.000	
1	Đất trồng cây hàng năm khác; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m²	79,2	2.520.000	100		199.584.000	
CỘNG							199.584.000	
THƯỞNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							211.584.000	

Viết bằng chữ: Hai trăm mười một triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng.

Niêm yết

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chỉ trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 214

Họ và tên: Lê Thị Xảo

- Mã số định danh/số căn cước: 270267040

- Địa chỉ thường trú: Khu phố Mỹ Khoan, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống: .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 248/117

- Diện tích thửa: 100,6m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 98 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: CLN

- Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy CN.QSDD số AB 356122, cấp ngày 11/05/2005. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 97 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						246.960.000	
1	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 100); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m ²	98	2.520.000	100		246.960.000	
CỘNG							246.960.000	
THƯỜNG DI DỜI							16.000.000	
TỔNG CỘNG							262.960.000	

Viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 215

Họ và tên: Đặng Văn Sơn

- Mã số định danh/số căn cước: 270706603

- Địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã Phước An, thành phố Đồng Nai.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 249/111

- Diện tích thửa: 115,9m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 115,9 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: ONT

- Nguồn gốc đất: Chưa được cấp giấy CN.QSD đất. Do ông Đỗ Văn Út và bà Lê Thị Nghiệp khai phá sử dụng từ năm 1989 đến năm 1999 chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay cho ông Đặng Văn Sơn (theo xác nhận của UBND xã Hiệp Phước năm 2012). Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: không có.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						1.742.904.000	
1	Đất ở tại nông thôn; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 50); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m ²	115,9	15.038.000	100		1.742.904.000	
CỘNG							1.742.904.000	
THƯỞNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							1.762.904.000	

Viết bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm lẻ bốn ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: **NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

- Mã số: 216
Họ và tên: Nguyễn Thị Tính và Nguyễn Duy Quang (TSTD ông Đặng Văn Sơn)
- Mã số định danh/số căn cước: 033174015306 - 060076011557
- Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Kiểng, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.
- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .
- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .
- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.
- Tham gia BHXH: .
- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2000, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.
- Tái định cư:
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						421.826.000	
1	Nhà 01 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	99,76	3.925.000	100		391.558.000	ONT, XD năm 2000
2	Mái che, mái hiên	m ²	16,14	720.000	100		11.621.000	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
3	Mái che, mái hiên	m ²	1,26	720.000		80	726.000	Trên lộ giới
4	Mái che, mái hiên	m ²	12,76	259.000		80	2.644.000	Trên lộ giới
5	Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	26,68	163.000		80	3.479.000	Trên lộ giới
6	Đồng hồ điện chính	cái	1	1.500.000	100		1.500.000	
7	Bảng hiệu Spa 3 x 6	cái	1	0		100	0	Không có đơn giá
8	Di dời bồn nước: Bồn inox - Tủ 1.000 lít - 2.000 lít	cái	1	518.000		100	518.000	
9	Giếng khoan thủ công Φ60 mm	mét	60	163.000	100		9.780.000	
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						582.000	
1	Hỗ trợ di dời chậu kiểng (có trồng cây) bằng sành, xi măng, sắt, nhựa (< 100 chậu/hộ): Chậu có đường kính từ 60cm đến < 80cm	Chậu	5	116.400		100	582.000	áp tạm, chưa ghi đường kính chậu
CỘNG							422.408.000	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							422.408.000	

Viết bằng chữ: Bốn trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm lẻ tám ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: **NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 217

Họ và tên: Phạm Thị Chắc

- Mã số định danh/số căn cước: 270272557

- Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Lai, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 249/103

- Diện tích thửa: 172,5m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 166,5 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: ONT

- Nguồn gốc đất: Chưa được cấp giấy CN.QSD đất. Do cha mẹ là ông Đỗ Văn Lồng và bà Đoàn Thị Bồi khai phá đến năm 1998 cho lại ông Đoàn Văn Đực và bà Phạm Thị Chắc sử dụng. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						2.503.827.000	
1	Đất ở tại nông thôn; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 50); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m ²	166,5	15.038.000	100		2.503.827.000	
CỘNG							2.503.827.000	
THƯỞNG DI DỜI							20.000.000	
TỔNG CỘNG							2.523.827.000	

Viết bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm hai mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: **NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

- Mã số: 218
Họ và tên: Hồ Nguyễn Ngọc Hằng (TSTĐ bà Phạm Thị Chắc)
- Mã số định danh/số căn cước: 075177016118
- Địa chỉ thường trú: Tổ 20, ấp 1C, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai
- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .
- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .
- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.
- Tham gia BHXH: .
- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 2019, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.
- Tái định cư:
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						1.553.726.000	
1	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	129,843	5.685.000	100		738.157.000	ONT, XD năm 2019

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
2	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	5,67	5.685.000	100		32.234.000	Ảnh hưởng
3	Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	36,6	163.000	100		5.966.000	áp tậm. BBKĐ dày 20cm, không có giá
4	Nền ciment đá dăm dày 10 cm.	m ²	12	163.000		60	1.174.000	Trên lộ giới
5	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	129,843	5.685.000	100		738.157.000	Lầu 1
6	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 3	Đồng/m ² sàn	5,67	5.685.000	100		32.234.000	Ảnh hưởng lầu 1
7	Ống nước nhựa PVC pi 168	mét	20	259.800	100		5.196.000	áp tậm, không có pi 200
8	Ống nước nhựa PVC pi 27	mét	25	10.100	100		253.000	
9	Ống nước nhựa PVC pi 34	mét	25	14.200	100		355.000	
CỘNG							1.553.726.000	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							1.553.726.000	

Viết bằng chữ: Một tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 219

Họ và tên: Đỗ Thị Mừng

- Mã số định danh/số căn cước: 270272581

- Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Kiểng, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 249/110

- Diện tích thửa: 39,9m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 39,9 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: ONT

- Nguồn gốc đất: Chưa được cấp giấy CN.QSD đất. Do mẹ ruột là bà Đoàn Thị Bồi khai phá sử dụng từ năm 1968 đến năm 1997 cho lại bà Đỗ Thị Mừng sử dụng. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 0 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.

- Tái định cư:

- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						600.016.000	
1	Đất ở tại nông thôn; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 50); Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ), từ giáp ranh xã Nhơn Trạch đến đường Trần Phú	m ²	39,9	15.038.000	100		600.016.000	
CỘNG							600.016.000	
THƯỞNG DI DỜI							12.000.000	
TỔNG CỘNG							612.016.000	

Viết bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu, không trăm mười sáu ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền

A. Thông tin chung

Dự án: **NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51 H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

- Mã số: 220
Họ và tên: Lê Thị Thu Thủy (TSTĐ bà Đỗ Thị Mừng)
- Mã số định danh/số căn cước: 052162003665
- Địa chỉ thường trú: Khu phố Phước Kiểng, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai.
- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .
- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .
- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.
- Tham gia BHXH: .
- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 1997, xây dựng không phép, không xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Điều 111, Luật Đất đai 2024.
- Tái định cư:
- Căn cứ giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã, nhận định dự kiến sẽ không đủ điều kiện xét cấp tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Nhà, vật kiến trúc (Căn cứ theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)						394.710.000	
1	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	9	6.396.000	100		57.564.000	ONT, XD năm 1997

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
2	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	15,9	6.396.000	100		101.696.000	
3	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	9	6.396.000	100		57.564.000	Tầng 1
4	Nhà từ 01 tầng đến 02 tầng - Kết cấu loại 2	Đồng/m ² sàn	21,2	6.396.000	100		135.595.000	Tầng 1
5	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	15	1.854.000	100		27.810.000	
6	Nhà bán kiên cố	Đồng/m ² sàn	1,96	1.854.000		80	2.907.000	Trên lộ giới
7	Đồng hồ điện chính	cái	1	1.500.000	100		1.500.000	
8	Đồng hồ nước chính	cái	1	3.600.000	100		3.600.000	
9	Mái che, mái hiên	m ²	14,84	259.000		80	3.075.000	Trên lộ giới
10	Nền lát gạch con sấu, gạch Terrazzo	m ²	13,25	288.000		80	3.053.000	Trên lộ giới
11	Di dời bồn nước: Bồn nhựa - Từ 1.000 lít - 2.000 lít	cái	1	346.000		100	346.000	
12	Bảng hiệu kinh doanh 5.3 x 3	cái	1	0		100	0	Không có đơn giá
13	Bảng hiệu kinh doanh 3 x 3	cái	1	0		100	0	Không có đơn giá
14	Bảng hiệu kinh doanh 5.5 x 3	cái	1	0		100	0	Không có đơn giá
II	Cây trồng (Căn cứ theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025; Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025)						248.000	
1	Cây phát tài lớn (thiết mộc lan), cao từ 1.5m đến < 2m	Cây	6	30.000	100		180.000	
2	Cây Dâu tằm (Năm 2)	Cây	2	33.891	100		68.000	áp tạm, chưa ghi năm tuổi
CỘNG							394.958.000	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							394.958.000	

Viết bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi tám ngàn đồng.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền**

A. Thông tin chung

Dự án: **NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 221

Họ và tên: UBND phường Nhơn Trạch

- Mã số định danh/số căn cước: .

- Địa chỉ thường trú: Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 253/44c

- Diện tích thửa: 31,6m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 31,6 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: DGT

- Nguồn gốc đất: UBND phường Nhơn Trạch quản lý.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Trường hợp không xét tái định cư.

- Tái định cư:

- Trường hợp không xét tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						0	
1	Đất giao thông; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 50); Đất công	m²	31,6	0	100		0	
CỘNG							0	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.

BẢNG CHIẾT TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Dùng để công khai lấy ý kiến Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Giá trị chi trả chỉ thực hiện theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền**

A. Thông tin chung

Dự án: **NÂNG CẤP ĐƯỜNG 25B ĐOẠN TỪ TT HUYỆN NHƠN TRẠCH RA QUỐC LỘ 51
H.LONG THÀNH VÀ H.NHƠN TRẠCH**

1. Chủ sử dụng đất, sở hữu tài sản:

Mã số: 222

Họ và tên: UBND phường Nhơn Trạch

- Mã số định danh/số căn cước: .

- Địa chỉ thường trú: Số 1 Phạm Văn Thuận, Khu phố Nhơn Phú, phường Nhơn Trạch.

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

2. Nhân khẩu hộ sử dụng đất:

- Tổng số nhân khẩu: .

- Số nhân khẩu được hỗ trợ ổn định đời sống : .

- Phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất: Không phải di chuyển chỗ ở.

- Tham gia BHXH: .

- Hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp: .

3. Thông tin thửa đất, diện tích đất thu hồi:

- Số tờ/thửa: 247/95

- Diện tích thửa: 126,9m²

- Diện tích thu hồi trong ranh: 79,3 m²

- Diện tích thu hồi ngoài ranh: 0 m²

- Loại đất thu hồi: DGT

- Nguồn gốc đất: UBND phường Nhơn Trạch quản lý.

- Tỷ lệ đất nông nghiệp bị thu hồi: 63 %

4. Thông tin nguồn gốc tài sản gắn liền trên đất: Không có

5. Thông tin về tái định cư:

- Căn cứ xét cấp tái định cư: Trường hợp không xét tái định cư.

- Tái định cư:

- Trường hợp không xét tái định cư.

B. Giá trị bồi thường, hỗ trợ

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					BT	HT		
I	Bồi thường về đất (Căn cứ theo Công Văn số: 1379/HĐTĐGD ngày 11/03/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Nhơn Trạch)						0	
1	Đất giao thông; Vị trí 1 (từ mốc HLATĐB đến hết mét thứ 50); Đất công	m²	79,3	0	100		0	
CỘNG							0	
THƯỞNG DI DỜI							0	
TỔNG CỘNG							0	

Viết bằng chữ: không.